

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông : Phạm Xuân Ninh

+ Bà: Ngô Thị Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2018/TLST - KDTM ngày 24/8/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST - KDTM ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 18 T, khu đô thị M, huyện T, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q (theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của Chủ tịch hội đồng thành viên) Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Viết D

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Kim A; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2018, bản tự khai và các biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là A) – ông Lê Quang Đ trình bày:

Ngày 02/10/2012 Phòng giao dịch Dthuộc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Q và ông Hoàng Viết D (là chủ hộ kinh doanh cá thể theo Giấy đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 29f80000150 do Phòng tài chính – Kế hoạch huyện Quảng Ninh cấp ngày 05/12/2011) có ký kết hợp đồng tín dụng số 3803LAV201101417/HĐTD với nội dung: A cho ông Hoàng Viết D vay số tiền 50.000.000 đồng để sản xuất mộc dân dụng, lãi suất cho vay 14%/năm, phương pháp trả lãi tiền vay : 06 tháng/ lần. Lãi suất được thỏa thuận điều chỉnh tăng giảm theo quy định và được ghi vào phụ lục hợp đồng tín dụng. Trường hợp không đồng ý thì bên vay có quyền trả nợ gốc trước hạn và thanh lý hợp đồng. Nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 12 tháng.

Theo hợp đồng, ông D đã nhận 50.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 02/10/2012, thỏa thuận hạn trả nợ cuối cùng trong giấy nhận nợ là vào ngày 02/4/2013.

Từ khi vay đến nay, ông D đã trả gốc được 20.000.000 đồng qua các đợt: Đợt 1: ngày 17/4/2014 trả 10.000.000 đồng; đợt 2 ngày 20/9/2018 trả 10.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại 30.000.000 đồng nợ gốc chưa trả.

Đối với tiền lãi, ông D đã trả đến ngày 22/5/2013 với số tiền 4.511.111 đồng; từ ngày 23/5/2013 đến nay ông D không trả lãi nên nợ lãi trong hạn tính đến ngày 29/11/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 18.909.445 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.065.833 đồng. Tổng lãi ông D phải trả 28.975.278 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông D và vợ là bà Lê Thị Kim A đã ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng số 486/HĐTC ngày 09/12/2011 nội dung là ông D và bà A thế chấp các tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 3, một tầng đổ bê tông cốt thép có diện tích sử dụng 45 m², 01 nhà xây cấp 4 mái lợp tôn có diện tích 15m² và quyền sử dụng đất diện tích 230 m² thuộc thửa 301¹, tờ bản đồ địa chính số 01 tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 467359, sổ vào sổ H00076 do UBND huyện Q cấp ngày 02/11/2006 mang tên Hoàng Viết D và Lê Thị Kim A.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của A, ông Lê Quang Đ yêu cầu buộc ông Hoàng Viết D có trách nhiệm trả nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử là 28.975.278 đồng, trong đó, lãi trong hạn 18.909.445 đồng, lãi quá hạn là 10.065.833 đồng. Trường hợp ông D không trả được thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 486/HĐTC ngày 09/12/2011 mà hai bên đã ký kết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Viết D trình bày tại các bản tự khai và biên bản hòa giải như sau:

Ông D thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng để vay 50.000.000 đồng của Ngân hàng N như lời đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày. Ông đã trả gốc được 20.000.000 đồng và trả lãi đến tháng 5/2013. Đồng thời ông cũng thừa nhận ông và vợ là bà Lê Thị Kim A có ký hợp đồng thế chấp các tài sản là nhà và đất do vợ chồng đứng tên tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình như lời đại diện Ngân hàng trình bày để đảm bảo cho khoản vay của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D xác nhận còn 30.000.000 đồng nợ gốc chưa trả như Ngân hàng trình bày, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho đến ngày 30/10/2018 sẽ trả 30.000.000 đồng nợ gốc, riêng nợ lãi, ông thống nhất còn nợ số tiền như lời trình bày của Ngân hàng và xin giảm tiền lãi, xin trả 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông D thừa nhận còn nợ các khoản gốc và lãi đến ngày xét xử như lời ngân hàng trình bày, vì điều kiện khó khăn nên ông đồng ý trả gốc và xin được miễn trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình Tòa án giải quyết trình bày như sau:

Bà là vợ của ông Hoàng Việt D, bà và ông D có ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 486/HĐTC ngày 09/12/2011 với A, nội dung là thế chấp các tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 3, một tầng đổ bê tông cốt thép có diện tích sử dụng 45 m², 01 nhà xây cấp 4 mái lợp tôn diện tích 15m² và quyền sử dụng đất diện tích 230 m² thuộc thửa 301¹, tờ bản đồ địa chính số 01 tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 467359, số vào sổ H 00076 cấp ngày 02/11/2006 do UBND huyện Quảng Ninh cấp cho hai vợ chồng.

Nay qua yêu cầu của ngân hàng bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Viết D có trách nhiệm trả cho A số tiền 58.975.278 đồng, trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử là 28.975.278 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trường hợp ông D không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm điều khoản thanh toán nên phát sinh tranh chấp, được quy định tại khoản 5 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy, căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Do hợp đồng được ký kết vào năm 2012 và đang thực hiện có nội dung phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Xét lời trình bày của Đại diện theo ủy quyền của A về việc cho ông Hoàng Viết D vay số tiền 50.000.000 đồng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 3803LAV201101417/HĐTD ngày 02/10/2012; Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2012; Giấy đề nghị vay vốn ngày 02/10/2012; Dự án (phương án) sản xuất kinh doanh dịch vụ ngày 02/10/2012; dự án sản xuất kinh doanh ngày 02/10/2012 đã thể hiện ông Hoàng Viết D là đại diện hộ gia đình để vay vốn Ngân hàng, thời hạn vay 06 tháng, với lãi suất 14%/ năm, hạn cuối cùng trả nợ là 02/4/2013, mục đích vay là sản xuất mộc dân dụng. Các tài liệu trên đều có chữ ký của ông D và ông D đã thừa nhận. Như vậy có thể khẳng định ông D vay số tiền 50.000.000 đồng theo các tài liệu, hồ sơ vay vốn tín dụng đã ký kết như lời đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày. Xét thấy, việc vay vốn do các bên ký kết có hình thức, nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay nên có giá trị pháp lý thi hành bắt buộc đối với các bên. Do đó, các bên phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phía bị đơn trả nợ gốc 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông D đã vay 50.000.000 đồng và các bên đã thừa nhận trả gốc trong quá trình thực hiện việc vay vốn 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng chưa trả, do đó A yêu cầu ông D trả số nợ gốc này là có cơ sở. Ông D cũng đồng ý chịu trách nhiệm trả khoản tiền này cho Ngân hàng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu lãi của nguyên đơn: Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng mà 2 bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 14%/năm và có điều chỉnh tăng giảm tương ứng khi Ngân hàng có sự thay đổi lãi suất. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Ngân hàng thừa nhận phía bị đơn đã trả lãi đến ngày 22/5/2013 là 4.511.111 đồng. Hội đồng xét thấy rằng, theo giấy nhận nợ các bên ký kết, đến ngày 02/4/2013 ông D phải trả xong nợ gốc và trả tiền lãi vay theo thỏa thuận nhưng không thực hiện. Đến nay, ông D vẫn chưa trả hết nợ gốc cho A là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Sau kỳ hạn trả nợ cuối cùng ông D không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với điều 357, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, do đó, buộc ông D phải trả cho A số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.975.278 đồng, trong đó, lãi trong hạn 18.909.445 đồng, lãi quá hạn là 10.065.833 đồng.

Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông D có trách nhiệm trả nợ 30.000.000 đồng nợ gốc và 28.975.278 đồng nợ lãi cho Agribank là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Đối với bà Lê Thị Kim A, Ngân hàng không yêu cầu bà A cùng có trách nhiệm trả nợ với ông D nên Hội đồng xét xử không xem xét, không buộc cùng có trách nhiệm với ông D trả nợ là phù hợp pháp luật. Đồng thời, ông D cũng đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, đây là sự tự nguyện của đương sự, nghĩ nên công nhận.

Xét việc thế chấp tài sản để đảm bảo nợ vay: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 486/HĐTC ngày 09/12/2011 giữa A với ông D, bà A có nội dung là thế chấp các tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 3, một tầng đổ bê tông cốt thép có diện tích sử dụng 45 m², 01 nhà cấp 4 mái lợp tôn có diện tích 15m² và quyền sử dụng đất diện tích 230 m² thuộc thửa 301¹, tờ bản đồ địa chính số 01 tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 467359, số vào sổ H 00076 cấp ngày 02/11/2006 do UBND huyện Q cấp cho Hoàng Viết D và Lê Thị Kim A, Hợp đồng do đại diện hợp pháp của các bên ký kết, về hình thức, nội dung tuân theo các quy định Bộ luật dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, các bên thừa nhận việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành. Hiện nay ông D chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, do đó trường hợp ông D không trả được nợ cho Ngân hàng, cần xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, bảo đảm việc thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí : Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Ông Hoàng Việt D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông D có nghĩa vụ trả số tiền 58.975.278 đồng nên phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Hoàng Việt D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 58.975.278 đồng (*năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng*) trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/11/2018) là 28.975.278 đồng, (bao gồm lãi trong hạn 18.909.445 đồng, lãi quá hạn là 10.065.833 đồng

Trường hợp ông Hoàng Việt D không trả được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý các tài sản bao gồm:

Quyền sử dụng diện tích 230 m² thuộc thửa 301¹, tờ bản đồ địa chính số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 467359, sổ vào sổ H 00076 cấp ngày 02/11/2006 do UBND huyện Q cấp cho ông Hoàng Việt D và bà Lê Thị Kim A cùng tài sản trên đất là 01 (*một*) nhà xây cấp 3, một tầng đồ bê tông cốt thép có diện tích sử dụng 45 m², 01 (*một*) nhà xây cấp 4, mái lợp tôn có diện tích 15 m² tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp số 486/HĐTC ngày 09/12/2011;

Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Hoàng Việt D phải nộp 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004623 ngày 23/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Long